TIẾT 39

**VĂN BẢN 3**

**THUYỀN VÀ BIỂN**

***-* Xuân Quỳnh –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Học sinh nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.

- Nhận ra vẻ đẹp tâm hồn tinh tế và phong phú của người phụ nữ đang yêu.

**2. Về năng lực**

- Phát huy năng lực tự học và năng lực hợp tác của học sinh, cụ thể:

+ Học sinh phân tích được biểu hiện của hình tượng sóng với nhiều cung bậc cảm xúc vừa truyền thống, vừa hiện đại.

+ Phân tích được ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình hiện đại.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

**3. Về phẩm chất**

- Học sinh đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình,

- Có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu,

- Có ý thức vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính, tivi.

**2. Học liệu:**

- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video,…

- SGK; SGV

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ: Kiểm tra bài *Dương phụ hành* – Cao Bá Quát**

**Câu 1. Việc miêu tả vẻ đẹp của người thiếu phụ thể hiện quan điểm gì của tác giả?**

A. Cái nhìn cởi mở táo bạo, thể hiện một quan niệm mới mẻ hiện đại

B. Cái nhìn cổ hủ lạc hậu, thể hiện tư duy cũ kĩ của thế hệ đã cũ

C. Cái nhìn phiến diện đáng lên án, thể hiện lối mòn của phong kiến

D. Cái nhìn xót xa đầy cảm thông, thể hiện tấm lòng của tác giả

**Câu 2 . Nhận xét về giọng điệu của tác giả khi miêu tả người thiếu phụ?**

A. Giọng thán phục, thích thú

B. Giọng châm biếm, trào phúng

C. Giọng điềm tĩnh, khách quan

D. Giọng mỉa mai, phê phán

**Câu 3. Giá trị nội dung quan trọng nhất của văn bản “Dương phụ hành”?**

A. Giá trị hiện thực: tố cáo hiện thực xã hội.

B. Giá trị nhân đạo: đề cao hạnh phúc của con người

C. Giá trị nhân đạo: lên án cái ác, cái xấu trong xã hội

D. Giá trị hiện thực: đề cao đạo lí làm người.

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học

- Học sinh được định hướng, huy động những kiến thức, tri thức đã có, khơi dậy sự hứng khởi với bài học.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Cách 1.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS nghe ca khúc “Thuyền và biển” <https://www.youtube.com/watch?v=L3f-6_OsubA>  *Hãy nêu cảm xúc của em sau khi nghe ca khúc*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS chia sẻ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | HS tự do chia sẻ cảm xúc |
| **Cách 2. HS giải ô chữ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giải ô chữ với 9 hàng ngang để tìm ra từ khóa  **Câu 1. Từ gồm 7 chữ cái đồng nghĩa với từ thanh bình**  **(BÌNH YÊN)**  **Câu 2. Áo của người thiếu phụ Tây dương được miêu tả với từ này (gồm 5 chữ cái)**  **TUYẾT**  **Câu 3. Loài chim sống ở biển còn được gọi là chim báo bão (gồm 5 chữ cái)**  **HẢI ÂU**  **Câu 4. Từ chỉ vật phát sáng lớn nhất, nhìn thấy về ban đêm (gồm 5 chữ cái)**  **TRĂNG**  **Câu 5. Đây là một danh từ chỉ là hiện tượng gió tăng tốc một cách đột ngột, đi kèm với những cơn dông mạnh. (gồm 2 chữ cái)**  **TỐ**  **Câu 6. Từ láy chỉ cách nói chuyện khẽ và kín**  **(gồm 7 chữ cái)**  **THẦM THÌ**  **Câu 7. Tên một truyện thơ của người Tày còn gọi là khẳm hải (gồm 8 chữ cái)**  **VƯỢT BIỂN**  **Câu 8. Một bài thơ nổi tiếng của Xuân Quỳnh về tình yêu (gồm 4 chữ cái)**  **SÓNG**  **Câu 9. Tập thơ của Xuân Quỳnh xuất bản năm 1984 (gồm 5 chữ cái)**  **TỰ HÁT**  **TỪ KHÓA: YẾU TỐ TỰ SỰ**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS giải mã hàng ngang, tìm từ khóa  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **GV giới thiệu bài mới** |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết, nắm bắt được những thông tin về tác giả Xuân Quỳnh, bài thơ “Thuyền và biển”.

- Biết cách tra cứu, tìm hiểu, trình bày những thông tin đã có.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc văn bản, chú ý các thẻ đọc, giọng đọc**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  **Trả lời câu hỏi:**  *- Những thông tin nào trong phần giới thiệu có thể giúp em hiểu hơn về văn bản “Thuyền và biển”?*  *- Trình bày hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, đề tài?*  *- Bài thơ có nhắc đến những “nhân vật” nào? Em cảm nhận như thế nào về câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật.  - Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chất chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu.  -> Xuân Quỳnh được nhìn nhận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỉ XX.  **2. Văn bản**  - Bài thơ *Thuyền và biển* được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập *Chồi biếc* (1963). Sau này, bài thơ được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.  - Thể thơ: Thơ năm chữ  - Đề tài: Tình yêu  - Bố cục:  + Phần 1: 3 khổ đầu - tình yêu vừa mới chớm  + Phần 2: 2 khổ thơ tiếp - khi cả hai đã yêu nhau  + Phần 3: 2 khổ thơ tiếp - khi tình yêu đã trở nên sâu đậm  *+* Phần 4: khổ cuối – nếu cuộc tình phải chia xa.  - Câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ chính là tâm trạng của những người đang yêu nhau. Nhà thơ mượn hình ảnh thuyền và biển để gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình. Tình yêu của nhà thơ cũng rộng lớn, mênh mông thắm thiết như thuyền với biển. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc văn bản thơ trữ tình hiện đại, nắm được một số đặc điểm riêng của thể tự do (thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu,...).

- HS nhận biết và phân tích được yếu tố tự sự trong thơ trữ tình (câu chuyện; tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình).

- HS nhận biết và phân tích cảm xúc, khát vọng của nhân vật trữ tình - mong muốn tình yêu được bền vững, tìm cách để vun đắp cho tình yêu.

- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng.

**b. Nội dung:**

**-** HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

- HS đọc VB, vận dụng “*Tri thức ngữ văn*”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * *Xác định các từ khoá phản ánh mối tương quan giữa thuyền và biển từ góc độ mà nhà thơ muốn khám phá.* * *Những từ ngữ này thường xuất hiện trong các bài thơ về đề tài gì?* * *Trong câu chuyện về thuyền và biển, hai đối tượng này được đặt trong tương quan nào?* * *Những cung bậc tình cảm gì đã được “người kể” soi rọi, khám phá?*   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm theo bàn  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả  HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV cùng HS chuẩn kiến thức  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1, 2**   * *Hãy tìm các câu thơ đánh dấu trạng thái “hiểu”, “biết”, “gặp” của thuyền và biển* * *Giải nghĩa các từ “hiểu”, “biết”, “gặp”.* * *Theo em, tình yêu có nhất thiết phải được xây dựng dựa trên sự “hiểu” và “biết” không?* * *“Gặp” là cần thiết, nhưng sự “không gặp” có giá trị như thế nào trong việc giúp ta hiểu bản chất của tình yêu?*   **Nhóm 3, 4:**   * *Số dòng thơ được dành cho từng câu chuyện được phân bố theo tỉ lệ nào?* * *Tại sao “em” lại dùng câu chuyện thuyền và biển để kể cho anh, mà không trực tiếp nói ra cảm xúc của chính mình?* * *Nêu nhận xét về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ.*   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nội dung trao đổi kết quả, bổ sung, thống nhất  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm trình bày  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV cùng HS chuẩn xác kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Mối tương quan giữa thuyền và biển***  - Các từ khoá phản ánh mối tương quan giữa thuyền và biến từ góc độ mà nhà thơ muốn khám phá: *nghe lời, nhiều khát vọng, tình... bao la, thầm thì, hiểu, biết, gặp nhau, thương nhớ, đau, sóng gió*,...  -> những từ ngữ có tần suất xuất hiện rất cao trong các bài thơ viết về tình yêu.  => hai đối tượng thuyền và biển đã được đặt trong mối quan hệ gắn bó – xung đột mang tính vĩnh cửu của tình yêu (trong hình dung của nhà thơ, thuyền và biển chính là một cặp tình nhân).  Với lời phụ chú đặt trong ngoặc đơn (“Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?"), đáp án của câu hỏi đã được tác giả tự hé lộ.  -Các cung bậc của tình yêu được nhà thơ soi rọi:  + niềm đam mê không giới hạn ("Thuyền nghe lời biển khơi"; "Thuyền đi hoài không mỏi");  + sự êm ả lắng sâu ("Thầm thì gửi tâm tư Quanh mạn thuyền sóng vỗ");  + sự cồn cào, mãnh liệt ("Cũng có khi vô cớ/ Biển ào ạt xô thuyền");,  + sự nhớ thương khắc khoải ("Những ngày không gặp nhau/ Biển bạc đầu thương nhớ);  + sự đau khổ giày vò ("Những ngày không gặp nhau/ Lòng thuyền đau – rạn vỡ; “Biển chỉ còn sóng gió”  => Tình yêu có nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều khát vọng  **2. Những yếu tố để xây dựng một tình yêu đích thực**  - Giải nghĩa: (theo cách hiểu thông thường)  + “Hiểu” và “biết” ở đây có chung trường nghĩa, chỉ sự thấu tỏ về nhau qua một quá trình không ngừng chia sẻ, tương tác.  + "Gặp" chính là sự sum vầy, quấn quýt, đối lập với sự cách xa, phôi pha, lạnh nhạt.  - Trong tác phẩm (trong tình yêu)  + *Hiểu* – sự thấu hiểu, đồng cảm  + *Biết -* sự hiểu biết về những biến đổi, thay đổi, cung bậc cảm xúc trong tình yêu, có khi bình lặng, hiền từ khi lại vô cớ ào ạt ..  => hai động này đã diễn tả trọn vẹn sự giao hòa, thấu hiểu, đồng cảm sâu sắc trong tình yêu.  =>Hiểu và biết vừa là những xúc cảm vừa là khao khát của con người trong tình yêu - sự thấu hiểu, đồng điệu  => Khát vọng tình yêu của người phụ nữ: khát vọng được thấu hiểu (hiểu người yêu, hiểu chính mình)  + *Gặp* - sự gặp gỡ, trò chuyện thân mật giữa những người mình yêu.  -> khi không gặp như thách thức sự chờ đợi, thách thức lòng thủy chung của cả thuyền và biển  ***=> Trong tình yêu đôi lứa “hiểu”, “biết”, “gặp” là những yếu tố không thể thiếu để xây dựng, duy trì mối quan hệ tình yêu tốt đẹp, bền vững theo thời gian.***  **3. Nét độc đáo trong cấu trúc của văn bản**  - Số dòng thơ được dùng cho thuyền và biển: 26 câu  - Số dòng thơ dùng cho câu chuyện của tác giả: 4 câu  *→ Tác giả sử dụng ít những câu thơ nói trực tiếp về câu chuyện của mình như vậy bởi tình yêu của tác giả cũng giống như thuyền và biển, sự tương đồng giữa chúng là rất nhỏ. Bởi vậy, khi nói về thuyền và biển cũng là đang nói đến câu chuyện của tác giả.*  - Trong bài thơ, câu chuyện giữa “em” - nhân vật trữ tình – và “anh” là câu chuyện “khung” “Em” đã kể cho “anh”, cũng là cho độc giả, nghe câu chuyện giữa thuyền và biển.  - Thực chất câu chuyện được "em" kể chính là sự hình tượng hoá các cung bậc, sắc thái của tình yêu nói chung cũng như lí tưởng, khát vọng tình yêu của “em” nói riêng. (Vì câu chuyện giữa thuyền và biển đã nói thay mọi điều cần nói nên “em” không cần phải triển khai rộng hơn, dài hơn câu chuyện giữa mình và “anh”. Lúc câu chuyện giữa thuyền và biển được đẩy tới cao trào (“Nếu từ giã thuyền rồi/ Biển chỉ còn sóng gió”), rất tự nhiên, “em” đã đưa ra lời khẳng định trực tiếp về tình yêu với “anh”: “Nếu phải cách xa anh/ Em chỉ còn bão tố.)  => sự lồng ghép giữa câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền và biển diễn ra linh hoạt, đan xen với nhau. đã tạo nên các góc soi chiếu khác nhau về tình yêu, cả khách quan lẫn chủ quan, làm cho ấn tượng của người đọc về những điều thổ lộ của nhân vật trữ tình càng thêm mạnh mẽ, sâu sắc  => Đôi khi nó khiến người đọc khó có thể phân biệt được đâu là câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền biển bởi sự tương đồng giữa chúng. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình

- HS đánh giá được vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.

**b. Nội dung:**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trả lời các câu hỏi:   * ***Bài thơ giúp bạn hiểu như thế nào về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình?*** * ***Đánh giá chung về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.***   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận cặp đôi  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS trình bày kết quả thảo luận  HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV cùng HS chuẩn xác kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bài thơ là lời giãi bày của một người phụ nữ về tình yêu.  + Mối quan tâm cháy bỏng về sự thuỷ chung, thấu hiểu và chia sẻ.  + khát vọng khám phá sự bao la, vô tận và vĩnh cửu của tình yêu.  =>Thuyền và biển không chỉ là đối tượng chủ thể trữ tình mà hình ảnh đó còn là biểu trưng cho cảm xúc của những đôi lứa yêu nhau. Đó là tâm trạng nhớ nhung, buồn đau của tháng ngày xa cách, là ước nguyện luôn được gắn bó, bền chặt bên nhau.  =>Bài thơ là lời nhắn gửi những người đang yêu xa hãy luôn nghĩ và hướng về nhau để giữ vững niềm tin, hi vọng về một ngày tương phùng.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ.  - Sử dụng cặp hình tượng sánh đôi thuyền - biển để nói về tình yêu đôi lứa.  - Nhịp thơ linh hoạt, lúc nhẹ nhàng, tâm tình, lúc sôi nổi, dồn dập  - Yếu tố tự sự  + Làm cho thông điệp về tình yêu được truyền tải một cách tự nhiên và gần gũi hơn.  + giúp cho người đọc hình dung và cảm nhận được tâm tư, tình cảm của tác giả.  + Từ câu chuyện của thuyền và biển cho đến anh và em, một sự chuyển đổi bất ngờ nhưng đầy tự nhiên, không hề đột ngột.  => góp phần tạo nên một thi phẩm như lời tự sự chân thành của tình yêu. |

**PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn bản về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm

- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã tìm hiểu, trình bày quan điểm của bản thân.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**c. Sản phẩm:** đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *Tìm đọc thêm một bài thơ trữ tình chứa đựng câu chuyện ẩn dụ về tình yêu gần gũi với “Thuyền và biển”. Từ đó, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) so sánh hai tác phẩm.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS trình bày kết quả  HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV cùng HS chuẩn xác kiến thức | **HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý**  - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn.  - Biết cách triển khai đoạn văn.  + Mở đoạn: Giới thiệu được khái quát về vấn đề cần so sánh.  + Thân đoạn  ++ Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề vai trò, vị trí của câu chuyện về tình yêu gần gũi với thuyền và biển  ++ Biết cách so sánh nét riêng và chung trong tác phẩm thơ.  + Kết đọan: Khẳng định được vấn đề.  **- Gợi ý** một số tác phẩm thơ Việt Nam nên tìm đọc: Sóng (Xuân Quỳnh), Rét nàng Bân, Bão, Vườn xưa (Tế Hanh), Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây (Phạm Tiến Duật), Hai nửa vầng trăng (Hoàng Hữu), Thời hoa đỏ (Thanh Tùng), Tan vỡ (Dư Thị Hoàn),...  - Để nhận xét khái quát về đặc điểm kết cấu của những bài thơ được gọi là “gần gũi” với Thuyền và biển, HS có thể trả lời một số câu hỏi:  *+ Việc gợi nhắc về những câu chuyện tình trong các bài thơ có ý nghĩa gì?*  *+ Trong câu chuyện, có những tình tiết nào đáng chú ý và vì sao chúng được nhấn mạnh?*  *+ Bài thơ đã làm sáng tỏ được khía cạnh gì của tình yêu?*  *+ Giữa các khía cạnh này và những tình tiết câu chuyện được nhấn mạnh có mối quan hệ như thế nào?...* |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn

- HS trình bày được suy nghĩ, quan điểm của riêng bản thân

**b. Nội dung:**

HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*Nhân vật trữ tình “Em” cho rằng trong tình yêu, sự thuỷ chung, thấu hiểu, hi sinh là quan trọng nhất. Với em, em cho rằng giá trị nào là quan trọng nhất trong tình yêu?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS làm việc cá nhân

**B3. Báo cáo thảo luận**

* Học sinh chia sẻ về giá trị mình cảm thấy quan trọng nhất trong tình yêu, đặc biệt trong bối cảnh thời đại số, thời đại mở cửa

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

Học sinh cần giải thích được lí do tại sao mình cho rằng đó là giá trị quan trọng nhất

**4. Củng cố:**

Lưu ý: Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

**5. HDVN:** Chuẩn bị bài **Thực hành Tiếng Việt**